

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DSST

Ngày 26/03/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Nguyễn Thị Thuận.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/03/2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 145/2020/TLST-DS ngày 26/10/2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-DS ngày 22/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-DS ngày 10/03/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng B.

Trụ sở: Tháp B, số 35 H, quận H, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc D - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng B - Chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 239 H, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ Mạnh C - Chức vụ: Phó Giám đốc B - Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch T.

Địa chỉ: Số 239 H, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.(có mặt)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị T.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 18/02/2019 bà Phạm Thị T có vay vốn tại Ngân hàng B số tiền 220.000.000đ (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/8604139/HĐTD ngày 18/02/2019, mục đích vay sản xuất nông nghiệp (chăm sóc tiêu, chăn nuôi), với lãi suất trong hạn là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày 18/02/2019 đến ngày 18/01/2020. Từ khi vay đến nay bà T chỉ mới trả cho Ngân hàng B số tiền lãi 5.759.178đ (*Năm triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng*), từ đó đến nay bà T không trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 26/03/2021 bà T còn nợ Ngân hàng là 278.420.959đ (*Hai trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn chín trăm năm mươi chín đồng*); Trong đó: Tiền gốc 220.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí phạt chậm trả lãi là 58.420.959đ (*Năm mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn chín trăm năm mươi chín đồng*);

Lãi trong hạn: 42.782.466 đồng: Tính từ ngày 18/02/2019 đến ngày 26/03/2021 là 767 ngày: Gốc 220.000.000 đồng x 767 ngày x (Lãi suất 10,5%/năm: 365 ngày) = 48.541.644 đồng. (Lãi đã trả: 5.759.178 đồng).

Lãi quá hạn: 13.638.493 đồng: Tính từ ngày 20/01/2020 đến ngày 26/03/2021 là 431 ngày: Gốc 220.000.000 đồng x 431 ngày x (Lãi suất 5,25%/năm: 365 ngày) = 13.638.493 đồng.

Phí phạt chậm trả lãi: 2.000.000 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng B cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giải quyết buộc bà Phạm Thị T phải trả cho Ngân hàng B tổng số tiền là 278.420.959đ (*Hai trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn chín trăm năm mươi chín đồng*). Trong đó: Nợ gốc 220.000.000 đồng; Lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí phạt chậm trả lãi 58.420.959 đồng.

Trong trường hợp bà Phạm Thị T không thực trả nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 01/2018/8604139/HĐBĐ để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm các quyền sử dụng đất:

+ Thửa đất số 234, tờ bản đồ số 35, diện tích 4.297,0m²; Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 01/7/2064 tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 819011 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 23/9/2014 mang tên ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị T (Ngày 09/5/2016 bà T thừa kế mang tên bà Phạm Thị T).

+ Thửa đất số 235, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.032,0m²; Mục đích sử dụng đất: Đất ở: 50,0m², đất trồng cây hàng năm khác: 1.982,0m²; Thời hạn sử dụng đất: Đất ở: Lâu dài, đất trồng cây hàng năm khác: Đến ngày 15/10/2033 tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BO 916407 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 17/6/2013 mang tên ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị T (Ngày 09/5/2016 bà T thừa kế mang tên bà Phạm Thị T).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T cho rằng trên diện tích đất (thửa đất số 234) mà bà T đã thế chấp cho Ngân hàng B, bà T có khoan 01 cái giếng trên đất, bà T là con ruột của bà T. Nếu bà T không trả được tiền cho Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản của bà T thì bà vẫn để cho Ngân hàng phát mãi tài sản mà bà T đã thế chấp cho Ngân hàng và trên đất có cái giếng khoan của bà để lấy tiền trả cho Ngân hàng.

Nếu trong trường hợp bà Phạm Thị T không trả tiền khoan giếng cho bà T, thì bà T sẽ yêu cầu đối với bà Phạm Thị T thành vụ án khác. Trong vụ án này bà không yêu cầu gì.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật và đã triệu tập họp lệ nhiều lần, đã niêm yết các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng không chấp hành, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị T có địa chỉ tại xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông trả nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tài sản thế chấp là bất động sản cũng tọa lạc tại huyện C, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, đây là tranh chấp về dân sự, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ mở phiên tòa: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để lấy lời khai; Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan không chấp hành, vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân huyện Cư Jút quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, HĐXX căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

Xét hợp đồng tín dụng số: 01/2019/8604139/HĐTD ngày 18/02/2019 giữa Ngân hàng B - Chi nhánh Đắk Lắk với bà Phạm Thị T đã ký kết để vay số tiền 220.000.000đ (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*), mục đích sản xuất nông nghiệp (chăm sóc tiêu, chăn nuôi); Thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày 18/02/2019 đến ngày 18/01/2020; Lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 5%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, từ khi vay đến nay bà Thúy chỉ trả cho Ngân hàng 5.759.178 đồng tiền lãi, còn lại bà T không trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 26/03/2021 bà Thúy phải trả cho Ngân hàng số tiền là 278.420.959 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn chín trăm năm mươi chín đồng*); Trong đó: Nợ gốc 220.000.000 đồng, lãi trong hạn 42.782.466 đồng, lãi quá hạn 13.638.493 đồng, phí phạt chậm trả lãi 2.000.000 đồng.

Như vậy bà T đã vi phạm theo hợp đồng tín dụng số: 01/2019/8604139/HĐTD ngày 18/02/2019 đã ký kết, nên Ngân hàng khởi kiện đối với bà T là có căn cứ.

- Xét Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/8604139/HĐTD ngày 18/02/2019 giữa Ngân hàng B - Chi nhánh Đắk Lắk với bà Phạm Thị T được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận về lãi suất hoàn toàn phù hợp, đúng theo quy định của pháp luật, không vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép.

Từ những căn cứ nêu trên buộc bà Phạm Thị T phải trả cho Ngân hàng B số tiền là 278.420.959đ (*Hai trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn chín trăm năm mươi chín đồng*). Trong đó: Nợ gốc 220.000.000 đồng; lãi trong hạn: 42.782.466 đồng; lãi quá hạn; 13.638.493 đồng; phí phạt chậm trả lãi 2.000.000 đồng.

- Xét hợp đồng thế chấp số: 01/2018/8604139/HĐBĐ ngày 14/03/2018 đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất gồm:

+ Thửa đất số 234, tờ bản đồ số 35, diện tích 4.297,0m²; Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 01/7/2064 tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 819011 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 23/9/2014 mang tên ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị T (Ngày 09/5/2016 bà T thừa kế mang tên bà Phạm Thị T).

+ Thửa đất số 235, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.032,0m²; Mục đích sử dụng đất: Đất ở: 50,0m², đất trồng cây hàng năm khác: 1.982,0m²; Thời hạn sử dụng đất: Đất ở: Lâu dài, đất trồng cây hàng năm khác: Đến ngày 15/10/2033 tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BO 916407 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Nông cấp

ngày 17/6/2013 mang tên ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị T (Ngày 09/5/2016 bà T thừa kế mang tên bà Phạm Thị T).

Mục đích thế chấp để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng đúng theo quy định của pháp luật, nội dung không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội nên đủ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại các Điều 117, Điều 317, Điều 292, Điều 298, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 3 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013. Do đó, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bà T không thực hiện thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ do có thỏa thuận tại Điều 6 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Theo hợp đồng thế chấp số: 01/2018/8604139/HĐBĐ ngày 14/03/2018 đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ theo quy định của pháp luật (qua xem xét, thẩm định tại chỗ các diện tích đất, vị trí thửa đất, tờ bản đồ và nơi tọa lạc phù hợp với trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất không có tranh chấp).

Đối với bà Nguyễn Thị T cho rằng bà T có khoan 01 cái giếng trên đất, bà Phạm Thị T là con ruột của bà T. Bà Phạm Thị T đã thế chấp cho Ngân hàng, nếu bà T không trả tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản của bà T, bà T để cho Ngân hàng phát mãi cái giếng khoan mà bà T đã khoan trên đất bà Phạm Thị T. Nếu sau này bà Phạm Thị T không trả tiền giếng khoan cho bà T thì bà T sẽ yêu cầu đối với bà Phạm Thị T thành vụ án khác, trong vụ án này bà T không yêu cầu gì nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 278.420.959 đồng x 5% = 13.921.048 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ) là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 155, Điều 156, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc bà Phạm Thị T trả cho Ngân hàng B số tiền chi phí tố tụng là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 155, Điều 156, khoản 1 Điều 157, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 117, Điều 317, Điều 292, Điều 298, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 3 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B:

1. Buộc bà Phạm Thị T phải trả Ngân hàng B tổng số tiền là 278.420.959đ (*Hai trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn chín trăm năm mươi chín đồng*). Trong đó: Nợ gốc 220.000.000 đồng; lãi trong hạn 42.782.466 đồng; lãi quá hạn 13.638.493 đồng, phí phạt chậm trả lãi 2.000.000 đồng.

Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 27/03/2021 theo mức lãi suất nợ quá hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trên số tiền nợ gốc thực nợ cho đến khi trả nợ xong.

2. Trường hợp bà Phạm Thị T không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng B có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông phát mãi tài sản mà bà T đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 01/2018/8604139/HĐBĐ ngày 14/03/2018 gồm:

+ Thửa đất số 234, tờ bản đồ số 35, diện tích 4.297,0m²; Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 01/7/2064 tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 819011 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 23/9/2014 mang tên ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị T (Ngày 09/5/2016 bà T thừa kế mang tên bà Phạm Thị T).

+ Thửa đất số 235, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.032,0m²; Mục đích sử dụng đất: Đất ở: 50,0m², đất trồng cây hàng năm khác: 1.982,0m²; Thời hạn sử dụng đất: Đất ở: Lâu dài, đất trồng cây hàng năm khác: Đến ngày 15/10/2033 tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BO 916407 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 17/6/2013 mang tên ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị T (Ngày 09/5/2016 bà T thừa kế mang tên bà Phạm Thị T).

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, nếu bà T không trả được tiền nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản của bà T đã thế chấp Ngân hàng và trên đất bà T có 01 cái giếng khoan của bà T thì bà T đồng ý để cho Ngân hàng phát mãi tài sản để trả tiền cho Ngân hàng.

3. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị T phải nộp số tiền 13.921.048đ (*Mười ba triệu chín trăm hai mươi một nghìn không trăm bốn mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.243.500đ (*Sáu triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003108 ngày 26/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho Ngân hàng B số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan